

HIỆP ĐỊNH
KHUYẾN KHÍCH VÀ BẢO HỘ ĐẦU TƯ GIỮA CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG
HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM VÀ CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ
ÁN ĐỘ

Ngày 08 tháng 03 năm 1997

Nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy hơn nữa đầu tư của các nhà đầu tư của quốc gia này trên lãnh thổ của quốc gia kia; nhận thấy rằng sự khuyến khích và bảo hộ đầu tư lẫn nhau theo Hiệp định quốc tế sẽ thúc đẩy sáng kiến kinh doanh cá nhân và đẩy mạnh sự phồn thịnh của hai quốc gia. Hai bên đã thỏa thuận như sau:

Điều 1

Định nghĩa

Với mục đích của Hiệp định này:

(a) "Công ty" có nghĩa là:

(i) Về phía Việt Nam: các công ty, hãng, hiệp hội được thành lập hoặc được xác lập hoặc được thiết lập theo luật hiện hành trên bất kỳ vùng nào của Việt Nam;

(ii) Về phía Ấn Độ: các Công ty, hãng, hiệp hội được thành lập hoặc được xác lập hoặc được thiết lập theo luật hiện hành trên bất kỳ vùng nào của Ấn độ;

(b) "Đầu tư" có nghĩa là tất cả các loại tài sản được tạo ra hoặc có được, bao gồm cả những thay đổi về hình thức của đầu tư đó, phù hợp với luật quốc gia của Bên ký kết mà trên lãnh thổ của Bên ký kết đó đầu tư được thực hiện và cụ thể nhưng không chỉ bao gồm:

(i) Động sản và bất động sản cũng như các quyền khác như thế chấp, cầm cố hoặc thế nợ;

(ii) Cổ phần, chứng khoán và giấy ghi nợ của công ty và bất kỳ hình thức tương tự nào khác tham gia vào công ty;

(iii) Quyền về tiền hoặc bất cứ việc thực hiện nào theo hợp đồng có giá trị tài chính;

(iv) Quyền sở hữu trí tuệ phù hợp với pháp luật liên quan của Bên ký kết;

(v) Tô nhượng kinh doanh theo luật hoặc theo hợp đồng, bao gồm tô nhượng về tìm kiếm và chế biến dầu và các khoáng sản khác;

(c) "Nhà đầu tư" có nghĩa bất kỳ công dân hoặc công ty nào của Bên ký kết;

(d) "Công dân" có nghĩa là:

(i) Về phía Việt Nam: Bất kỳ thể nhân nào có quốc tịch Việt Nam theo pháp luật Việt Nam;

(ii) Về phía Ấn độ: những người theo luật hiện hành của Ấn độ có địa vị là công dân Ấn độ;

(e) "Thu nhập" có nghĩa là những khoản tiền thu được từ đầu tư như là lợi nhuận, lãi, lợi tức từ vốn, cổ tức, tiền bản quyền và phí;

(f) "Lãnh thổ" có nghĩa là:

(i) Về phía Việt Nam: lãnh thổ của Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam bao gồm lãnh hải và vùng đặc quyền kinh tế mà ở đó Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam có chủ quyền, quyền chủ quyền hoặc có quyền tài phán đặc biệt phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam và pháp luật quốc tế.

(ii) Về phía Ấn độ : lãnh thổ cộng hoà Ấn độ bao gồm vùng lãnh hải và không phận trên đó và các vùng biển khác bao gồm vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa mà ở đó Cộng hoà Ấn độ có chủ quyền, quyền chủ quyền hoặc có quyền tài phán đặc biệt phù hợp với pháp luật hiện hành, Công ước của Liên hợp quốc 1982 về Luật Biển và Luật pháp quốc tế.

Điều 2

Phạm vi Hiệp định

Hiệp định này sẽ áp dụng đối với tất cả các đầu tư được thực hiện bởi các nhà đầu tư của một Bên ký kết trên lãnh thổ của Bên ký kết kia, mà những đầu tư được chấp nhận phù hợp với pháp luật và những quy định của Bên ký kết đó, bất kể những đầu tư đó được thực hiện trước hoặc sau khi Hiệp định này có hiệu lực.

Điều 3

Khuyến khích và bảo hộ đầu tư

(1) Mỗi Bên ký kết sẽ khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia tiến hành đầu tư trên lãnh thổ của mình và tiếp nhận những đầu tư đó phù hợp với pháp luật và chính sách của mình.

(2) Những đầu tư và thu nhập của các nhà đầu tư của mỗi Bên ký kết luôn luôn được đối xử công bằng và thỏa đáng trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

Điều 4

Đối xử quốc gia và đối xử tối huệ quốc

(1) Mỗi Bên ký kết phù hợp với luật và quy định của mình sẽ dành cho những đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho những đầu tư của nhà đầu tư nước mình hoặc những đầu tư của các nhà đầu tư của bất kỳ quốc gia thứ ba nào.

(2) Ngoài ra, mỗi Bên ký kết sẽ dành cho nhà đầu tư của Bên ký kết kia, bao gồm đối với các thu nhập từ những đầu tư của họ sự đối xử không kém thuận lợi hơn sự đối xử dành cho các nhà đầu tư của bất kỳ quốc gia thứ ba nào.

(3) Những quy định của khoản 1 và 2 trên đây sẽ không được hiểu là bắt buộc một Bên ký kết phải dành cho nhà đầu tư Bên ký kết kia những lợi ích của bất kỳ sự đối xử nào, ưu đãi hoặc đặc quyền từ:

(a) bất kỳ liên minh thuế quan nào đang tồn tại hoặc được thiết lập trong tương lai hoặc Hiệp định quốc tế tương tự mà Bên ký kết đó đang hoặc có thể trở thành thành viên, hoặc

(b) bất kỳ vấn đề nào liên quan tới toàn bộ hoặc chủ yếu về thuế.

Điều 5

Tước đoạt quyền sở hữu

(1) Những đầu tư của các nhà đầu tư của mỗi bên ký kết, sẽ không bị quốc hữu hóa, bị tước đoạt hoặc bị áp dụng những biện pháp có hậu quả tương tự như quốc hữu hóa hoặc tước đoạt quyền sở hữu (dưới đây gọi là tước đoạt quyền sở hữu) trên lãnh thổ của Bên ký kết kia trừ trường hợp vì mục đích công cộng, phù hợp với pháp luật, trên cơ sở không phân biệt đối xử và được đền bù công bằng và thỏa đáng. Khoản đền bù đó là giá trị thực tế của đầu tư bị tước đoạt ngay trước khi tước đoạt quyền sở hữu hoặc trước khi việc tước đoạt quyền sở hữu được công bố tùy theo việc nào được thực hiện sớm hơn sẽ bao gồm cả lãi suất theo một tỷ giá công bằng và thỏa đáng cho đến ngày trả, và được thực hiện không chậm trễ, có hiệu quả và được tự do chuyển ra nước ngoài.

(2) Nhà đầu tư có quyền, theo pháp luật của Bên ký kết tiến hành việc tước đoạt quyền sở hữu, yêu cầu cơ quan tư pháp hoặc cơ quan có thẩm quyền độc lập khác của Bên ký kết đó xem xét lại trường hợp của họ hoặc về giá trị đầu tư cho phù hợp với các quy định của điều này. Bên ký kết tiến hành việc tước đoạt quyền sở hữu cần phải nỗ lực để việc xem xét được thực hiện nhanh chóng.

(3) Bên ký kết tước đoạt tài sản của công ty được thành lập hoặc thiết lập theo pháp luật hiện hành tại bất kỳ vùng nào của lãnh thổ nước mình, mà ở đó các nhà đầu tư của Bên ký kết kia có cổ phần, Bên ký kết đó sẽ bảo đảm rằng các quy định ở khoản 1 của Điều này được áp dụng trong phạm vi cần thiết để bảo đảm đền bù một cách công bằng và thỏa đáng đối với đầu tư của các nhà đầu tư Bên ký kết kia là chủ sở hữu các cổ phần đó.

Điều 6

Đền bù tổn thất

Các nhà đầu tư của một Bên ký kết có đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia bị tổn thất do chiến tranh, hoặc xung đột vũ trang khác, tình trạng khẩn cấp quốc gia hoặc những bạo động trên lãnh thổ của Bên ký kết đó sẽ được Bên ký kết đó dành cho sự đối xử về việc bồi hoàn, bồi thường, đền bù hoặc biện pháp giải quyết khác không kém thuận lợi hơn so với đối xử mà hai Bên ký kết đó dành cho nhà đầu tư của nước mình hoặc cho nhà đầu tư của bất kỳ quốc gia thứ ba nào. Các khoản chi trả sẽ được tự do chuyển ra nước ngoài.

Điều 7

Việc chuyển đầu tư và lợi nhuận

(1) Mỗi Bên ký kết cho phép tất cả các khoản tiền liên quan đến đầu tư của nhà đầu tư của Bên ký kết kia trên lãnh thổ của mình được tự do chuyển, không chậm trễ và trên cơ sở không phân biệt đối xử. Những khoản tiền này có thể gồm:

- (a) vốn và những khoản vốn bổ sung dùng để duy trì và phát triển đầu tư;
- (b) lợi tức ròng bao gồm cổ tức và lãi tương ứng với cổ phần đóng góp của họ;
- (c) các khoản thanh toán của bất kỳ khoản vay nào, bao gồm cả lãi vay liên quan đến đầu tư;
- (d) các khoản trả cho bản quyền và các phí dịch vụ liên quan đến đầu tư;
- (e) các khoản thu từ việc bán cổ phần của họ;
- (f) các khoản thu được của nhà đầu tư trong trường hợp bán hoặc bán một phần hoặc thanh lý;
- (g) thu nhập của công dân của một Bên ký kết làm việc liên quan đến đầu tư trên lãnh thổ của Bên ký kết kia.

2. Khoản 1 của Điều này sẽ không ảnh hưởng đến việc chuyển bất kỳ sự đền bù nào theo Điều 6 của Hiệp định này.

3. Nếu không có sự thỏa thuận nào khác giữa các Bên, việc chuyển tiền theo khoản 1 của Điều này, được phép dùng đồng tiền của đầu tư ban đầu hoặc bất cứ đồng tiền tự do chuyển đổi nào khác. Việc chuyển đó sẽ được thực hiện theo tỷ giá thị trường thịnh hành vào ngày chuyển.

Điều 8

Thế quyền

Khi một Bên ký kết hoặc cơ quan được ủy quyền của Bên ký kết bảo đảm về bất kỳ khoản tiền bồi thường đối với những rủi ro phi thương mại liên quan đến một đầu tư của bất kỳ nhà đầu tư nào của Bên ký kết đó trên lãnh thổ của Bên ký kết kia và đã thanh toán cho nhà đầu tư đó liên quan đến khiếu nại của họ theo Hiệp định này, thì Bên ký kết kia đồng ý rằng Bên ký kết thứ nhất hoặc cơ quan được ủy quyền theo sự thế quyền thực hiện các quyền và thực hiện những khiếu nại của các nhà đầu tư đó. Quyền hoặc khiếu nại được thế quyền không vượt quá các quyền hoặc khiếu nại ban đầu của các nhà đầu tư đó.

Điều 9

Giải quyết tranh chấp giữa nhà đầu tư và một Bên ký kết

1. Bất kỳ tranh chấp nào giữa nhà đầu tư của một Bên ký kết và Bên ký kết kia liên quan đến đầu tư của các nhà đầu tư theo Hiệp định này sẽ được giải quyết trong chừng mực có thể thông qua thương lượng giữa các Bên tranh chấp.

2. Nếu vụ tranh chấp đó không giải quyết được bằng thương lượng trong thời hạn 06 tháng và nếu cả hai Bên tranh chấp nhất trí, vụ tranh chấp sẽ đưa ra:

a. Để giải quyết phù hợp với pháp luật của Bên ký kết đã tiếp nhận đầu tư tại cơ quan tư pháp hoặc cơ quan hành chính có thẩm quyền của Bên ký kết đó; hoặc

b. Hòa giải quốc tế theo các quy tắc hòa giải của Ủy Ban Liên hiệp Quốc tế về Luật Thương mại Quốc tế.

3. Nếu các Bên không thỏa thuận được thủ tục giải quyết tranh chấp theo quy định của khoản 2 Điều này hoặc vụ tranh chấp được đưa ra để hòa giải, nhưng việc hòa giải không đạt được thì vụ tranh chấp được đưa ra Trọng tài. Thủ tục Trọng tài sẽ như sau:

(a) nếu Bên ký kết của nhà đầu tư và Bên ký kết kia là thành viên của Công ước về giải quyết tranh chấp đầu tư giữa một quốc gia và công dân của quốc gia khác, năm 1965 và nhà đầu tư chấp thuận bằng văn bản đưa tranh chấp ra Trung tâm quốc tế về giải quyết các tranh chấp đầu tư, thì vụ tranh chấp đó sẽ được đưa ra Trung tâm; hoặc

(b) nếu cả hai Bên nhất trí thì giải quyết theo các biện pháp bổ sung về thực hiện hòa giải, Trọng tài và điều tra thực tế; hoặc

(c) đưa tranh chấp ra trọng tài adhoc phù hợp với Quy tắc trọng tài của Ủy ban Luật thương mại Quốc tế của Liên hợp quốc 1976, với sự sửa đổi như sau:

(i) Người có thẩm quyền chỉ định theo Điều 7 của Quy tắc là Chủ tịch, Phó Chủ tịch hoặc thành viên cao cấp tiếp theo của Tòa án Quốc tế mà không phải là công dân của một trong hai Bên ký kết. Vị trọng tài thứ ba không phải là công dân của một trong hai Bên ký kết.

(ii) Các Bên sẽ chỉ định trọng tài của mình trong vòng hai tháng.

(iii) Phán quyết của trọng tài được thực hiện phù hợp với các quy định của Hiệp định này.

(iv) Tòa án trọng tài sẽ tuyên bố cơ sở quyết định của mình và đưa ra lý lẽ theo yêu cầu của mỗi Bên.

Điều 10

Giải quyết tranh chấp giữa các Bên ký kết

(1) Tranh chấp giữa các bên ký kết liên quan đến việc giải thích hoặc áp dụng Hiệp định này, trong chừng mực có thể được giải quyết thông qua thương lượng.

(2) Nếu tranh chấp giữa các Bên ký kết không giải quyết được theo cách đó trong vòng 06 tháng kể từ khi tranh chấp phát sinh ra theo đề nghị của một trong hai Bên ký kết vụ tranh chấp được đưa ra Tòa án trọng tài.

(3) Tòa án trọng tài sẽ được thành lập cho từng trường hợp cụ thể theo cách sau đây: Trong vòng hai tháng kể từ khi nhận được yêu cầu giải quyết trọng tài, mỗi Bên ký kết sẽ chỉ định một thành viên của trọng tài. Hai thành viên đó sẽ chọn một công dân của Quốc gia thứ ba được hai Bên ký kết chấp thuận làm Chủ tịch Trọng tài. Chủ tịch sẽ được chỉ định trong vòng hai tháng kể từ ngày hai thành viên kia được chỉ định.

(4) Nếu trong thời hạn nêu tại khoản 3 của Điều này, các chỉ định cần thiết không được thực hiện, một trong hai Bên ký kết có thể, nếu không có sự thỏa thuận nào khác mời Chủ tịch Tòa án Quốc tế tiến hành sự chỉ định cần thiết. Nếu Chủ tịch Tòa án Quốc tế là công gia dịch nhân của một trong hai Bên ký kết hoặc nếu vì lý do nào khác không thể thực hiện được chức năng nói trên thì Phó Chủ tịch tq quốc tế sẽ được mời để thực hiện sự chỉ định cần thiết. Nếu Phó Chủ tịch tq quốc tế là công dân của một trong hai Bên ký kết hoặc nếu ông ta cũng không thực hiện đocj chức năng nói trên thì thành viên cao cấp

tiếp theo của Tòa án quốc tế không phải là công dân của một trong hai Bên ký kết sẽ được mời để thực hiện sự chỉ định cần thiết.

(5) Tòa án trọng tài sẽ quyết định theo nguyên tắc biểu quyết đa số. Quyết định của Trọng tài là bắt buộc đối với cả hai Bên ký kết. Mỗi Bên ký kết sẽ chịu chi phí cho thành viên trọng tài của mình và việc đại diện trong quá trình tố tụng; chi phí cho Chủ tịch và những chi phí còn lại do hai Bên ký kết sẽ chịu bằng nhau. Tuy nhiên trong quyết định của trọng tài có thể quyết định một trong hai Bên ký kết sẽ phải chịu phần chi phí cao hơn và sự phán quyết này là bắt buộc đối với cả hai Bên ký kết. Trọng tài sẽ quy định thủ tục riêng của mình

Điều 11

Nhập cảnh và cư trú của nhân viên

Một Bên ký kết phù hợp với luật áp dụng trong từng thời kỳ liên quan tới sự nhập cảnh và cư trú của người không phải là công dân của nước đó, cho phép những thể nhân của Bên ký kết kia và nhân viên làm việc tại các công ty của Bên ký kết kia tham gia hoặc cư trú trên lãnh thổ của Bên ký kết đó với mục đích thực hiện những hoạt động liên quan đến đầu tư.

Điều 12

Luật áp dụng

(1) Trừ những quy định khác được quy định trong Hiệp định này, tất cả các đầu tư phải tuân theo pháp luật hiện hành trên lãnh thổ của Bên ký kết mà ở đó các đầu tư được thực hiện.

(2) Khoản 1 của Điều này không có nghĩa là Hiệp định này ngăn cản Bên ký kết tiếp nhận đầu tư thực hiện các biện pháp để bảo vệ các lợi ích an ninh thiết yếu hoặc trong các tình huống khẩn cấp phù hợp với pháp luật nước mình được áp dụng một cách bình thường và hợp lý trên cơ sở không phân biệt đối xử.

Điều 13

Áp dụng các quy định khác

Nếu những quy định của pháp luật của một Bên ký kết hoặc những nghĩa vụ theo luật pháp quốc tế đang được áp dụng hoặc được thiết lập sau này giữa các Bên ký kết có những quy định khác với Hiệp định này, dù là quy định chung hay cụ thể, dành cho các đầu tư của các nhà đầu tư của Bên ký kết kia một sự đối xử thuận lợi hơn quy định của Hiệp định này thì những quy định đó sẽ được áp dụng.

Điều 14

Hiệu lực

Hiệp định này sẽ phải được phê duyệt và có hiệu lực kể từ ngày trao đổi các văn bản phê duyệt.

Điều 15

Thời hạn và chấm dứt hiệu lực

(1) Hiệp định này có hiệu lực trong thời hạn 10 năm và sau đó được mặc nhiên gia hạn thêm trừ khi một trong hai Bên ký kết thông báo cho Bên ký kết kia bằng văn bản về ý định chấm dứt Hiệp định này sẽ hết hiệu lực sau 01 năm kể từ ngày nhận được thông báo bằng văn bản đó.

(2) Mặc dù Hiệp định chấm dứt theo khoản 1 của Điều này, Hiệp định sẽ vẫn tiếp tục có hiệu lực đối với các đầu tư được thực hiện hoặc có được trước ngày chấm dứt hiệu lực của Hiệp định này trong thời hạn 15 năm tiếp theo kể từ ngày hết hiệu lực của Hiệp định.

Để chứng thực cho những điều thỏa thuận trên, những người ký tên được ủy quyền hợp lệ của Chính phủ của mình đã ký Hiệp định này.

Hiệp định này làm tại New Đê-li ngày 08 tháng 03 năm 1997 thành hai bản gốc bằng tiếng Việt, tiếng Hindi và tiếng Anh. Tất cả các bản đều có giá trị ngang nhau.

Trong trường hợp có sự giải thích khác nhau thì căn cứ vào bản tiếng Anh.